

**BẢN SAO
COPY**

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2012

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2013

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 08092

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 6
Báo cáo kiểm toán	7 – 9
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10 – 11
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Tổng Công ty

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 1119/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25/6/2010 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên ngày 06/10/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05/5/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05/5/2011 thì:

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là **2.372.348.812.298 VND** (Hai nghìn ba trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

STT	Tên đơn vị	Quyết định thành lập
1	Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 250/QĐ/CNNG - TCNS ngày 20 tháng 09 năm 1990 do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng cấp với tư cách là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.
2	Chi nhánh Tổng Công ty tại Nghệ An	Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 03/MĐL-NN/QĐ/HĐQT ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp với tư cách là một đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2716000008 ngày 30/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
3	Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Kạn	Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 113/MĐL-NN/QĐ-TCCB ngày 20 tháng 08 năm 2002 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp với tư cách là một đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 315224 ngày 11/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

4	Công ty Đức số 1 (*)	Tiền thân là Xí nghiệp Đức số 1, được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ/TCNSĐT ngày 22/5/1993 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Xí nghiệp Đức số 1 được đổi tên thành Công ty Đức số 1 theo Quyết định số 836/QĐ/TCCB - ĐT ngày 24/08/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102281 do ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/1995. Công ty Đức số 1 là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông Nghiệp theo Quyết định số 72/2004/QĐ - BCN ngày 05/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo Quyết định số 137/MĐL-NN/QĐ-TCCB ngày 07/08/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp thì Công ty Đức số 1 đang tạm ngưng hoạt động để thực hiện Dự án di dời và Đầu tư công nghệ mới Công ty Đức số 1.
5	Nhà máy ô tô VEAM	Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 25/MĐL-NN/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 06 năm 2008 với tư cách là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.
6	Nhà máy Đức	Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 06/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 29/02/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103866-007 đăng ký lần đầu ngày 12/03/2012 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

(*) Công ty Đức số 1 đã giải thể từ ngày 05 tháng 9 năm 2012 theo Quyết định số 200B/ QĐ-VEAM/ VPTH ngày 04/9/2012 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Do đó số dư cuối kỳ của Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty mẹ không bao gồm số liệu của Công ty Đức số 1.

Các Công ty con của Tổng Công ty:

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ
1	Viện Công Nghệ	100,00%	Số 25 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội
2	Viện NCTK Chế tạo máy Nông nghiệp	100,00%	Số 8 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
3	Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	100,00%	Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
4	Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	100,00%	Số 114 Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, Hà Nội
5	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy NN Miền Nam	100,00%	Khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
6	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	100,00%	Số 4 Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, TP Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Phụ tùng	55,00%	Phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

BÁO CÁO CỦA**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

đính kèm Báo cáo tài chính hợp

nhất cho năm tài chính 2012

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

	máy số 1		
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	51,00%	Thị trấn Bãi Bông, Phở Yên, Thái Nguyên
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	53,66%	Tổ 34, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	51,14%	Số 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	51,00%	Km số 3, Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Veam	51,00%	Số 8, xóm 6B, đường Phạm Văn Đồng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	55,13%	Số 7 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
14	Công ty Veam Korea Corporation	89,00%	KEB Bd 4th, 1220-10, Igok-Dong, Dalseo-Gu, Daegu, Korea

Các Công ty liên kết của Tổng Công ty:

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Nakyko	49,00%	19/9 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
2	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	47,41%	Số 165 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, An Giang
3	Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	29,00%	Lô D, khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
4	Công ty Honda Việt Nam	30,00%	Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	20,00%	Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
6	Công ty TNHH Ford Việt Nam	25,00%	Xã Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
7	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	20,36%	Số 1 Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

- Sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu trực tiếp các loại máy động lực; thiết bị máy móc phục vụ cho các ngành nông lâm ngư nghiệp và các ngành kinh tế; ô tô, xe máy, các phương tiện vận tải và phụ tùng thay thế, chi tiết và các cụm chi tiết đồng bộ, các loại vật tư, dụng cụ, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao; tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân phục vụ cho hoạt động của ngành và Tổng Công ty;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà nghỉ, điều dưỡng, trung tâm hội nghị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Trụ sở chính: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trần Ngọc Hà	Chủ tịch
Ông Lâm Chí Quang	Ủy viên
Ông Trịnh Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khôi	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuyền	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lâm Chí Quang	Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Khay	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Văn Tuyền	Phó Tổng giám đốc
Ông Trịnh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vũ	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Lâm Chí Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Số: 158 -2013/BCKT-TC/APEC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012
của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc**
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán APEC đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được lập ngày 15 tháng 06 năm 2013 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (gọi tắt là 'Tổng Công ty') từ trang 10 đến trang 35 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 06, Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 của Tổng Công ty được hợp nhất từ các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của các công ty trong Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (riêng Báo cáo tài chính năm 2012 của Viện Nghiên cứu thiết kế chế tạo Máy nông nghiệp và Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng chưa được kiểm toán), vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất chịu ảnh hưởng bởi các giới hạn kiểm toán được nêu trong các Báo cáo tài chính riêng của các Công ty thành viên trong Tổng Công ty.

Giới hạn kiểm toán

Tại thời điểm 31/12/2012, Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thiết bị vật tư và Cơ khí toàn bộ, Công ty Cổ phần vận tải và thương mại Veam, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Viện Công Nghệ; ngoài ra Kiểm toán viên cũng không thể tham gia chứng kiến kiểm kê chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, Công ty Cổ phần Thiết bị vật tư và Cơ khí toàn bộ, Viện Công Nghệ tại thời điểm nêu trên. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nói trên tại thời điểm 31/12/2012 bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Cơ Khí Trần Hưng Đạo, Viện Công nghệ, Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1, Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ và Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh chưa thực hiện đối chiếu một số khoản công nợ phải thu và phải trả. Kiểm toán viên đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên với những tài liệu hiện có chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn của các số dư trên được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khách hàng Agriculture Supply Co., Ltd có số dư đã quá hạn thanh toán 68.629.509.680 VND. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Thiết bị vật tư và Cơ khí toàn bộ, Công ty Cổ phần cơ khí Cổ Loa, Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo và Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh cũng chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và thuộc diện khó đòi.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp đang theo dõi một số hàng tồn kho kém phẩm chất, tồn đọng qua nhiều năm chưa được xử lý và đánh giá lại theo giá thị trường; ngoài ra Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công và Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2012.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa cung cấp được bảng chi tiết tổng hợp nhập xuất tồn hàng tồn kho, bảng tính giá thành năm 2012 của số hàng tồn kho tại ngày 31/12/2012 và hàng xuất kho trong năm với tổng giá trị là 113.855.633.691 VND. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông Nghiệp có giá thành sản phẩm nhập kho được xác định theo giá bán sản phẩm. Kiểm toán viên không thu thập được các bằng chứng nhằm khẳng định giá Công ty sử dụng để tính giá trị nhập kho là phù hợp. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh tính giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền cho toàn bộ phụ tùng cơ khí, dẫn đến có thể có sự sai lệch so với việc xác định giá vốn cho từng mặt hàng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về các khoản mục nêu trên cũng như những ảnh hưởng đến việc tính giá thành sản phẩm, giá vốn hàng bán được ghi nhận trong kỳ và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính 2012.

Tại thời điểm 31/12/2012 số dư trên tài khoản 241 - "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo có giá trị là 63.675.931.304 VND. Đây là khoản chi phí được tập hợp gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí khác theo Quyết định của Bộ Công nghiệp số 2546 ngày 08/10/2002 về việc "Phê duyệt dự án đầu tư di chuyển và xây dựng mới Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo" và Quyết định 6062/2008/QĐ-KHĐT của Bộ Kế hoạch đầu tư ngày 14/11/2008 về "Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư di chuyển và xây dựng mới Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo". Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện tập hợp chi phí riêng biệt của từng giai đoạn, hạng mục tại thời điểm khóa sổ kế toán 31/12/2012.

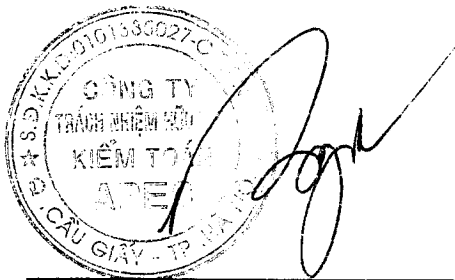
Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Kiểm toán viên chưa được Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam cung cấp bằng chứng của cơ quan có thẩm quyền về việc ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu 33.030.056.659 VND trên Báo cáo tài chính của Công ty, cũng như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi theo số vốn mới.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề về giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam cho năm tài chính 2012:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành bảy (07) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam giữ sáu (06) bản, Công ty TNHH Kiểm toán APEC giữ một (01) bản.



Dương Đình Ngọc

Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1699 /KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN APEC

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013



Đào Thị Thúy Hà

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1785 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.137.147.218.190	4.295.237.018.376
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	968.033.823.636	394.170.858.278
1. Tiền	111		315.580.653.662	315.912.023.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		652.453.169.974	78.258.835.150
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	26.831.713.784	34.267.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26.831.713.784	34.267.200.000
III- Các khoản phải thu	130		1.251.808.985.433	1.591.360.227.004
1. Phải thu của khách hàng	131		1.016.623.042.503	1.275.237.983.668
2. Trả trước cho người bán	132		107.280.701.375	141.607.325.311
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3.	178.875.807.474	228.128.712.343
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(50.970.565.919)	(53.613.794.318)
IV- Hàng tồn kho	140	V.4.	1.798.735.966.039	2.119.421.462.926
1. Hàng tồn kho	141		1.800.473.722.110	2.123.577.897.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.737.756.071)	(4.156.434.546)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		91.736.729.298	156.017.270.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.133.767.900	11.046.897.610
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.950.575.572	80.240.031.206
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	3.574.121.151	1.040.507.163
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6.	21.078.264.675	63.689.834.189
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		6.474.524.043.999	5.370.665.694.311
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		285.632.606	10.286.892.606
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		246.272.606	246.272.606
4. Phải thu dài hạn khác	218		39.360.000	10.040.620.000
II- Tài sản cố định	220		2.306.255.441.542	2.134.700.373.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	1.603.932.217.044	1.495.742.678.044
- Nguyên giá	222		2.601.235.713.576	2.292.112.258.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(997.303.496.532)	(796.369.580.073)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	56.909.489.201	59.826.141.768
- Nguyên giá	228		71.724.818.883	80.491.815.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.815.329.682)	(20.665.674.176)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	645.413.735.297	579.131.553.411
III- Bất động sản đầu tư	240	V.10.	37.983.731.054	38.935.024.754
- Nguyên giá	241		44.526.541.340	44.526.541.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.542.810.286)	(5.591.516.586)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.013.859.662.854	3.087.887.091.369
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.030.056.659	33.441.579.841
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.863.228.497.521	2.976.855.287.854
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11.	117.750.930.976	77.740.045.976
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(149.822.302)	(149.822.302)
V- Tài sản dài hạn khác	260		116.139.575.943	98.856.312.359
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	113.545.611.627	98.229.025.859
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		609.157	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.593.355.159	627.286.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		10.611.671.262.189	9.665.902.712.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.533.978.660.331	1.853.953.276.552
I- Nợ ngắn hạn	310		1.224.161.173.460	1.551.010.594.469
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13.	536.040.310.387	684.096.412.270
2. Phải trả cho người bán	312		306.104.476.519	402.272.165.892
3. Người mua trả tiền trước	313		65.799.478.223	52.548.819.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14.	26.963.720.582	74.183.560.335
5. Phải trả người lao động	315		126.102.309.401	114.560.337.432
6. Chi phí phải trả	316	V.15.	63.249.671.361	41.842.655.793
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16.	87.346.128.611	171.023.336.955
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	43.139.263
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		12.555.078.376	10.440.166.787
II- Nợ dài hạn	330		309.817.486.871	302.942.682.083
3. Phải trả dài hạn khác	333		570.360.000	808.020.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17.	306.347.564.319	295.336.803.486
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		84.505.131	3.678.710.268
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.815.057.421	3.119.148.329
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.827.166.969.157	7.612.167.818.225
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	8.749.649.584.400	7.557.370.116.067
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.181.096.400.432	4.136.010.055.120
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(7.803.000)	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	7.012.250.544
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		503.123.165.295	408.792.980.240
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		389.240.671.943	293.830.031.187
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.897.998	91.365
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.383.094.699.298	2.375.662.259.574
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		243.755.553.910	286.866.449.513
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		49.195.998.524	49.195.998.524
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		77.517.384.757	54.797.702.158
1. Nguồn kinh phí	432		3.704.263.464	5.600.861.186
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		73.813.121.293	49.196.840.972
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		250.525.632.701	199.781.617.910
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540 = 300+400+500)	540		10.611.671.262.189	9.665.902.712.687

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

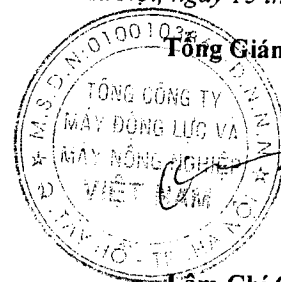
Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Hạnh



Vũ Từ Công



Lâm Chí Quang

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2012

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

MÀU B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.19.	6.289.107.669.940	7.029.708.574.147
2. Các khoản giảm trừ	02	V.20.	10.113.779.782	15.273.382.693
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-03)	10	V.21.	6.278.993.890.158	7.014.435.191.454
4. Giá vốn hàng bán	11	V.22.	5.834.333.352.347	6.494.622.134.989
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		444.660.537.811	519.813.056.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.23.	91.414.960.367	141.940.915.947
7. Chi phí tài chính	22	V.24.	113.273.618.809	180.135.683.977
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.214.227.635	121.418.953.888
8. Chi phí bán hàng	24		172.147.648.031	175.613.633.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		321.553.256.572	354.059.426.071
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(70.899.025.234)	(48.054.770.857)
11. Thu nhập khác	31		64.664.321.399	61.663.112.665
12. Chi phí khác	32		16.763.926.613	12.635.803.214
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		47.900.394.786	49.027.309.451
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41	V.26.	1.164.002.554.563	1.132.598.970.256
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
15. (50=30+40+41)	50		1.141.003.924.115	1.133.571.508.850
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.25.	22.980.302.598	26.161.470.923
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(609.157)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.118.024.230.674	1.107.410.037.927
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		26.454.623.633	29.938.347.997
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.091.569.607.041	1.077.471.689.930

Người lập

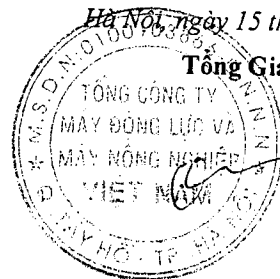
Vũ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Vũ Từ Công

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lâm Chí Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.141.003.924.115	1.133.571.508.850
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		225.633.523.482	187.995.366.714
- Các khoản dự phòng	03		(5.061.906.874)	27.117.506.933
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(6.122.100.041)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(88.899.252.368)	(1.013.796.008.274)
- Chi phí lãi vay	06		95.214.227.635	121.418.953.888
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.367.890.515.990	450.185.228.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		412.596.463.314	279.563.529.070
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		323.104.175.362	(609.727.632.939)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(176.729.448.324)	(91.463.341.297)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		(13.403.456.058)	(55.448.070.560)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(79.889.146.843)	(91.788.343.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(44.505.210.237)	(29.483.168.382)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		408.721.534.324	544.296.750.031
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(862.920.652.569)	(1.098.480.077.788)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.334.864.774.959	(702.345.127.120)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21		(299.739.447.209)	(559.080.849.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		3.550.446.376	6.881.500.962
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(169.876.080.390)	(112.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		74.100.000.000	135.099.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(42.212.492.805)	(81.191.482.329)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		35.992.209.357	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.447.351.474	590.087.567.537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(311.738.013.197)	(21.003.663.355)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu cấp vốn đầu tư	31		22.645.819.752	13.726.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32		-	(1.392.756.719)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.669.149.204.206	3.610.167.507.377
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.174.989.173.562)	(3.571.771.052.608)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		33.930.353.200	(55.464.380.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(449.263.796.404)	(4.734.682.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		573.862.965.358	(728.083.473.399)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		394.170.858.278	1.121.256.729.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	997.601.936
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	968.033.823.636	394.170.858.278

Người lập

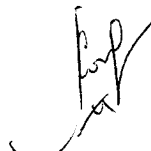
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Hạnh



Vũ Từ Công



Lâm Chí Quang

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012

Mẫu B 09 - DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 1119/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25/6/2010 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên ngày 06/10/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05/5/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05/5/2011 thì: Vốn điều lệ của Tổng Công ty là **2.372.348.812.298 VND** (Hai nghìn ba trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu trực tiếp các loại máy động lực; thiết bị máy móc phục vụ cho các ngành nông lâm ngư nghiệp và các ngành kinh tế; ô tô, xe máy, các phương tiện vận tải và phụ tùng thay thế, chi tiết và các cụm chi tiết đồng bộ, các loại vật tư, dụng cụ, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao; tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân phục vụ cho hoạt động của ngành và Tổng Công ty;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà nghỉ, điều dưỡng, trung tâm hội nghị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

Trụ sở chính: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty

Số lượng Công ty con: 14

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu - Quyền biểu quyết
1	Viện Công Nghệ	- Địa chỉ: 25 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

(tiếp theo)

2	Viện nghiên cứu thiết kế chế tạo máy NN	- Địa chỉ: Số 8, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%
3	Công ty TNHH NN một thành viên Diesel Sông công	- Địa chỉ: Phường Mỗ Chè, TX Sông Công, Thái Nguyên- Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100%- Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%
4	Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Trần Hưng Đạo	- Địa chỉ: Số 114 Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%
5	Công ty TNHH một thành viên Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	- Địa chỉ: Khu phố 1, Bình Đa, TP Biên Hoà, Đồng Nai. - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%
6	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	- Địa chỉ: Số 4 phố Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 100% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 100%
7	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	- Địa chỉ: Phường Mỗ Chè, TX Sông Công, Thái Nguyên - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 55% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 55%
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên	- Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông, Phô Yên, Thái Nguyên - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 51% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 51%
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	- Địa chỉ: Tổ 34, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội. - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 53,66% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 53,66%
10	Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	- Địa chỉ: Số 275, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 51,14% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 51,14%
11	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	- Địa chỉ: Km số 3, Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 51% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 51%
12	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Veam	- Địa chỉ: Số 8 xóm 6B, Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 51% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 59,68%
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (*)	- Địa chỉ: Số 7, Mai Hắc Đế, TP Vinh, Nghệ An - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 55,13% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 55,13%
14	Công ty Veam Korea Corporation	- Địa chỉ: KEB Bd 4th, 1220-10, Igok-Dong, Dalseo-Gu, Daegu, Korea - Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty: 89% - Quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 89%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

(*): Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là công ty con được hợp nhất của Tổng Công ty do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49% và tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 là 6,13%.

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Số lượng Công ty liên kết: 7

Số lượng các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất: 7

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu - Quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Nakkyo	- Địa chỉ: 19/9 Tân Kỳ Tân Quý, Tân Sơn Nhì, Tân Phú - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 49% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 49%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	- Địa chỉ: Số 165 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 47,41% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 47,41%
3	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (**)	- Địa chỉ: Số 1 Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 20,36% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 20,36%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	- Địa chỉ: Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 29,01% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 29,01%
5	Công ty Honda Việt Nam	- Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 30% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 30%
6	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	- Địa chỉ: Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 20% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 20%
7	Công ty TNHH Ford Việt Nam	- Địa chỉ: Xã Lai Cách, Cẩm Bình, Hải Dương - Tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty: 25% - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty: 25%

(**): Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là công ty liên kết được hợp nhất của Tổng Công ty do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ là 0,9%.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp cho kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/4 và kết thúc vào ngày 31/3 hàng năm. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty đã bao gồm lãi (lỗ) của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam với niên độ kế toán năm 2012 kết thúc vào ngày 31/3/2013.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2012***(tiếp theo)*

Trong năm 2011 Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy NN Miền Nam hạch toán giảm nguồn vốn vì chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Visuco trong khi Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam không thực hiện giảm khoản đầu tư do chưa được Bộ tài chính hướng dẫn giảm vốn, nên số dư trên khoản mục đầu tư vào công ty con chưa được bù trừ hết trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*****Các Công ty con***

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty mẹ Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty mẹ Tổng Công ty với các công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2012***(tiếp theo)*

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Báo cáo tài chính của Công ty Veam Korea Corporation được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán của Hàn Quốc và được hợp nhất trong Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty đã được chuyển đổi ra tiền VND theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm 31/12/2012.

Các Công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Lợi nhuận của Công ty TNHH Ford Việt Nam được hợp nhất trong Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty đã được chuyển đổi ra tiền VND theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm 31/12/2012.

Trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty liên kết chưa được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty đã bao gồm lãi (lỗ) của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam với niên độ kế toán năm 2012 kết thúc vào ngày 31/03/2013.

Góp vốn liên doanh

Hoạt động góp vốn liên doanh của Tổng Công ty là thành lập cơ sở kinh doanh độc lập trong đó các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các bên liên doanh theo phương pháp hợp nhất dựa trên tỷ lệ góp vốn.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của CM kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012***(tiếp theo)***Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:***

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, bao gồm: Thuế nhập khẩu, chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2012, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho, chuẩn mực kế toán số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng và Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối năm 2012 nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối năm 2011 thì số chênh lệch nhỏ hơn này được hoàn nhập trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ***4.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Loại tài sản cố định hữu hình

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- Tài sản cố định khác

Thời gian khấu hao <năm>

4-50
2-12
5-10
3-12
3-25

4.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn, bản quyền sản phẩm và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng nên không tính khấu hao theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty :

Loại tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất
- Bản quyền, bằng sáng chế
- Phần mềm thiết kế động cơ, máy tính

Thời gian khấu hao <năm>

20-44
5-10
3-10

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng khách sạn Việt Lào tại Cửa Lò do Tổng Công ty nắm giữ, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính như sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN/HN

Năm 2012

(tiếp theo)

Loại bất động sản đầu tư

Quyền sử dụng đất

Nhà cửa vật kiến trúc

Thời gian khấu hao <năm>

Không trích khấu hao

3-25

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Tổng Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu là chi phí phát sinh để thay thế một bộ phận của hạng mục tài sản cố định hữu hình đang được hạch toán riêng biệt, bao gồm các chi phí kiểm định và sửa chữa lớn thì được vốn hóa. Những chi phí khác phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được vốn hóa nếu làm tăng các lợi ích kinh tế trong tương lai tạo ra bởi tài sản cố định hữu hình. Các chi phí này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Lợi thế kinh doanh được xác định khi đánh giá lại giá trị cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp; Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển, chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là các chi phí thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh không gây biến động lớn cho chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Việc hạch toán chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty là dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm, được trích trên giá trị các sản phẩm còn hạn bảo hành, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn Nhà nước cấp và được bổ sung từ các quỹ. Các quỹ của Tổng Công ty được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế, phù hợp với hướng dẫn tại NĐ 25/2010/NĐ-CP ngày 10/3/2010 về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và tổ chức quản lý Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu và Thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Nguồn vốn đầu tư XDCB của Tổng Công ty được ghi nhận khi ngân sách hoặc đơn vị cấp trên cấp vốn đầu tư XDCB.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, kinh doanh khách sạn được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN/HN

Năm 2012

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được (nếu có).

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua được Tổng Công ty phân bổ toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất lợi thương mại được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

16.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

16.3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

16.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

16.5. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 0% đối với doanh thu xuất khẩu; 5% và 10% áp dụng cho từng loại mặt hàng, dịch vụ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu B 09 - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2012**

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

16.6. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu B09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất		
1. Tiền		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.227.271.710	7.792.849.510
Tiền gửi ngân hàng	309.353.381.952	308.119.173.618
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	652.453.169.974	78.258.835.150
Cộng	968.033.823.636	394.170.858.278
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	4.300.000.000	2.467.200.000
Đầu tư ngắn hạn khác	22.531.713.784	31.800.000.000
Cộng	26.831.713.784	34.267.200.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cô phần hoá	167.001.600	493.402.799
Phải thu về cô tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu từ cơ quan BHXH	354.034.539	324.478.899
Phải thu khác	178.354.771.335	227.310.830.645
Cộng	178.875.807.474	228.128.712.343
4. Hàng tồn kho		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	118.000	1.481.637.742
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	451.536.494.356	1.000.674.534.890
Công cụ, dụng cụ trong kho	36.057.084.834	45.396.299.861
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	323.088.672.281	265.417.484.476
Thành phẩm tồn kho	528.256.251.321	338.325.885.616
Hàng hoá tồn kho	168.163.769.445	220.937.144.969
Hàng gửi đi bán	293.371.331.873	251.344.909.918
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.737.756.071)	(4.156.434.546)
Cộng	1.798.735.966.039	2.119.421.462.926

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B09 - DN/HN

5. Các khoản thuế và phải thu nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuê TNDN	8.290.450	12.157.338
Thuê TNCN nộp thừa	10.396.358	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	3.542.333.744	766.075.496
Cộng	3.574.121.151	1.040.507.163

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	15.394.540	898.551.993
Tạm ứng	11.030.076.592	19.753.485.457
Cầm cô, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.032.793.543	43.037.796.739
Cộng	21.078.264.675	63.689.834.189

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	19.979.476.370	34.605.515.695
Dự án phòng thí nghiệm động lực	15.187.140.706	13.946.501.892
Dây chuyền thiết bị sản xuất phân vi sinh và sấy bã sắn	-	968.181.818
Nhà xưởng sản xuất vi sinh và sấy bã	-	2.243.870.909
Cụm thiết bị dây chuyền sản xuất bã khô làm thức ăn chăn nuôi	-	1.695.000.000
Máy sấy tinh bột và máy mài củ sắn	-	8.959.000.000
Nhà kho và nhà xe của nhà máy đúc	1.018.819.752	-
Các công trình khác	3.773.515.912	6.792.961.076
Công ty TNHH Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	-	19.748.715.273
Nhà xưởng mua của Suzuki	-	19.322.727.273
Công trình khác	128.714.058	425.988.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	63.675.931.304	57.050.572.634
Dự án đầu tư và xây dựng mới	63.675.931.304	57.050.572.634
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	28.122.311.175	28.178.887.516
Dây truyền sản xuất Động cơ lớn	28.122.311.175	25.021.596.257
Các công trình khác	-	3.157.291.259
Công ty Cổ phần Vật tư và thiết bị toàn bộ	513.502.692.436	382.532.046.879
Chi phí xây dựng Sắt xôp	412.425.851.956	287.818.601.329
Chi phí xây dựng Biệt thự	66.510.591.352	67.672.617.586
Các công trình khác	34.566.249.128	27.040.827.964
Các công ty khác	20.133.324.012	12.908.913.816
Cộng	645.413.735.297	579.131.553.411

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2012	714.119.220.875	1.413.325.020.989	140.908.735.939	20.783.817.361	2.975.462.953	2.292.112.258.117
Mua trong năm	7.875.626.879	90.155.986.520	3.891.690.827	3.514.818.130	-	105.438.122.356
Đầu tư XDCB hoàn thành	207.727.002.004	269.031.066.479	15.757.450.637	1.453.085.780	582.670.473	494.551.275.373
Tăng khác	53.896.360.971	89.890.617.941	3.357.339.668	33.198.545	-	147.177.517.125
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(789.483.018)	(6.191.237.659)	(7.859.197.967)	(244.361.494)	(1.060.000)	(15.085.340.138)
Phân loại lại	83.916.273.865	(81.073.750.687)	(2.434.899.693)	(407.623.485)	-	-
Giảm khác	(245.577.556.916)	(166.897.448.456)	(8.813.510.887)	(1.322.949.236)	(346.653.762)	(422.958.119.257)
Số dư ngày 31/12/2012	821.167.444.660	1.608.240.255.127	144.807.608.524	23.809.985.601	3.210.419.664	2.601.235.713.576
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2012	203.879.486.641	510.489.014.289	69.922.229.784	11.321.523.220	757.326.139	796.369.580.073
Khấu hao trong năm	37.543.818.844	166.447.031.055	16.079.783.148	2.601.913.323	685.420.950	223.357.967.320
Tăng khác	3.156.215.100	3.875.054.353	77.258.392	33.683.577	-	7.142.211.422
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(263.405.832)	(7.200.463.287)	(6.277.504.043)	(244.361.494)	(1.060.000)	(13.986.794.656)
Phân loại lại	9.938.593.312	(9.580.873.858)	(237.593.108)	(37.801.790)	(82.324.556)	-
Giảm khác	(9.133.500.125)	(724.179.153)	(4.634.626.263)	(1.017.831.334)	(69.330.752)	(15.579.467.627)
Số dư ngày 31/12/2012	245.121.207.940	663.305.583.399	74.929.547.910	12.657.125.502	1.290.031.781	997.303.496.532
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	510.239.734.234	902.836.006.700	70.986.506.155	9.462.294.141	2.218.136.814	1.495.742.678.044
Tại ngày 31/12/2012	576.046.236.720	944.934.671.728	69.878.060.614	11.152.860.099	1.920.387.883	1.603.932.217.044

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2012

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

Năm 2012

(tiếp theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2012	12.310.086.047	38.297.369.034	21.740.942.084	8.143.418.779	-	80.491.815.944
Mua trong năm	21.048.000	-	-	526.268.000	-	547.316.000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	12.193.213.131	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.092.323.259)	(178.618.000)	-	12.193.213.131
Phân loại lại	-	(12.628.490.433)	-	12.593.990.433	-	(7.270.941.259)
Giảm khác	-	-	(1.608.094.500)	(12.628.490.433)	34.500.000	-
Số dư ngày 31/12/2012	12.331.134.047	37.862.091.732	13.040.524.325	8.456.568.779	34.500.000	71.724.818.883
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2012	-	3.308.409.329	14.228.513.411	3.128.751.436	-	20.665.674.176
Khấu hao trong năm	-	810.015.745	1.001.732.350	461.544.862	2.263.205	2.275.556.162
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.092.323.259)	(178.618.000)	-	-
Phân loại lại	-	-	-	(12.075.000)	-	(7.270.941.259)
Giảm khác	-	(332.328.684)	(522.630.713)	-	12.075.000	-
Số dư ngày 31/12/2012	-	3.786.096.390	7.615.291.789	3.399.603.298	14.338.205	14.815.329.682
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	12.310.086.047	34.988.959.705	7.512.428.673	5.014.667.343	-	59.826.141.768
Tại ngày 31/12/2012	12.331.134.047	34.075.995.342	5.425.232.536	5.056.965.481	20.161.795	56.909.489.201

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

Năm 2012

(tiếp theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
Nguyên giá	44.526.541.340	-	-	44.526.541.340
Quyền sử dụng đất	32.719.978.499	-	-	32.719.978.499
Cơ sở hạ tầng	11.806.562.841	-	-	11.806.562.841
Giá trị hao mòn lũy kế	5.591.516.586	951.293.700	-	6.542.810.286
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	5.591.516.586	951.293.700	-	6.542.810.286
Giá trị còn lại	38.935.024.754			37.983.731.054
Quyền sử dụng đất	32.719.978.499			32.719.978.499
Cơ sở hạ tầng	6.215.046.255			5.263.752.555

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2012

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B09 - DN/HN****Năm 2012**

(tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Liên doanh Mê Kông (*)	39.600.000.000	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	29.191.500.000	29.191.500.000
Xí nghiệp Liên doanh Kumi Ba	15.639.216.000	15.639.216.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	22.315.040.810	22.315.040.810
Đầu tư dài hạn khác	11.005.174.166	10.594.289.166
Cộng	117.750.930.976	77.740.045.976

(*) : Phân loại lại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thuê văn phòng	22.674.353.090	23.506.696.949
Chi phí bảo trì nhà	1.395.547.709	1.434.393.569
Phí hỗ trợ biển quảng cáo, hỗ trợ kỹ thuật	4.821.119.339	5.134.996.361
Phí bản quyền chuyển giao công nghệ	967.200.000	1.934.400.000
Cơ sở hạ tầng (bãi đỗ xe)	5.191.738.545	5.312.482.545
Chi phí chuyển nhượng Cơ sở hạ tầng tại KCN Phú Nghĩa	40.932.129.180	38.510.855.762
Chi phí bản quyền dây chuyền sản xuất trục khuỷu xe máy	3.568.080.774	3.672.259.271
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.780.000.008	3.285.888.156
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	16.585.010.633	12.413.812.281
Chi phí khác	14.630.432.349	3.023.240.965
Cộng	113.545.611.627	98.229.025.859

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay và nợ ngắn hạn	529.936.673.199	669.650.413.664
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.103.637.188	14.445.998.606
Cộng	536.040.310.387	684.096.412.270

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.387.644.224	5.492.690.971
Thuế xuất, nhập khẩu	1.363.394.954	2.217.538.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.457.612.173	56.824.351.214
Thuế thu nhập cá nhân	3.360.373.211	2.677.373.047
Thuế tài nguyên	99.675.000	919.123.000
Thuế nhà đất, Tiền thuê đất	1.171.363.000	2.114.276.439
Các loại thuế khác	943.394.973	1.063.678.614
Các khoản phí, lệ phí	180.263.047	2.874.528.577
Cộng	26.963.720.582	74.183.560.335

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

Năm 2012

(tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	4.253.311.529	-
Chi phí phải trả khác	58.996.359.832	41.842.655.793
Cộng	63.249.671.361	41.842.655.793

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	360.000	3.414.677
Kinh phí công đoàn	8.807.327.232	7.178.399.080
Bảo hiểm xã hội	4.605.213.763	528.370.069
Bảo hiểm y tế	68.247.405	93.241.777
Bảo hiểm thất nghiệp	23.024.945	44.418.304
Phải trả về cô phần hoá	64.825.502	34.898.772.988
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.777.129.764	128.276.720.060
Cộng	87.346.128.611	171.023.336.955

17. Các khoản vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	306.347.564.319	295.336.803.486
- Vay đối tượng khác	298.097.804.319	252.961.930.751
Nợ dài hạn	8.249.760.000	42.374.872.735
	-	-
Cộng	306.347.564.319	295.336.803.486

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Lô D - khu D1 - phường Phú Thượng - quận Tây Hồ - Hà Nội

Tel: 04 6280 0802 Fax: 04 6280 0809

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.709.318.547.192	-	(2.395.383.799)	413.411.300.994	254.317.252.658	79.575.365	49.195.998.524	2.953.145.045.203	288.030.001.082	7.665.102.337.219
- Tăng vốn trong năm trước	454.294.341.510	-	-	39.971.561.111	44.109.413.725	-	-	-	1.336.448.431	539.711.764.777
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	22.279.600.000	-	25.594.030.388	3.000.000	1.884.703.127	-	-	1.077.471.689.930	-	1.077.471.689.930
- Giảm vốn trong năm trước	(47.828.211.586)	-	(22.429.558)	(11.880.909)	-	-	-	-	-	49.761.333.515
- Bù trừ vốn góp của CSH	-	-	-	(32.292.029.857)	-	-	-	(13.804.450.628)	(2.500.000.000)	(64.166.972.681)
- Giảm do tách LICĐ thiếu số	(2.054.221.996)	-	(11.522.893)	-	(1.991.150.039)	-	-	-	-	(32.292.029.857)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(67.669.153.850)	-	(71.726.048.778)
- Giảm khác	-	-	(16.152.443.594)	(12.288.971.099)	(4.490.188.284)	(79.484.000)	-	(455.701.396.013)	-	(455.701.396.013)
Số dư tại ngày 31/12/2011	4.136.010.055.120	-	7.012.250.544	408.792.980.240	293.830.031.187	91.365	49.195.998.524	2.375.662.259.574	286.866.449.513	7.557.370.116.067
- Tăng vốn trong năm nay	3.144.208.129	-	-	-	-	-	-	(1.117.779.475.068)	-	(1.150.790.562.045)
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	10.816.278.000	13.960.486.129
- Tăng khác	106.332.793.103	(7.803.000)	5.535.704.915	89.008.987.857	95.183.027.417	206.906.633	-	1.091.569.607.041	-	1.091.569.607.041
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	52.488.619.500	348.748.236.425
- Bù trừ vốn góp của CSH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(64.390.655.920)	-	(12.547.955.459)	52.127.585.456	1.152.517.749	-	-	(61.612.945.158)	-	(8.332.841.953)
Số dư tại ngày 31/12/2012	4.181.096.400.432	(7.803.000)	-	503.123.165.295	389.240.671.943	150.897.998	49.195.998.524	3.383.094.699.298	243.755.553.910	8.749.649.584.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012***(tiếp theo)***18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	4.181.096.400.432	4.136.010.055.120
	4.181.096.400.432	4.136.010.055.120

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	5.532.916.627.419	6.838.708.414.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	753.036.700.018	191.000.159.202
Doanh thu khác	3.154.342.503	-
Cộng	6.289.107.669.940	7.029.708.574.147

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	56.583.000	39.800.000
Giảm giá hàng bán	3.500.200.000	161.393.692
Hàng bán bị trả lại	6.556.996.782	15.072.189.001
Cộng	10.113.779.782	15.273.382.693

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng	5.522.802.847.637	6.823.435.032.252
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	753.036.700.018	191.000.159.202
Doanh thu khác	3.154.342.503	-
Cộng	6.278.993.890.158	7.014.435.191.454

22. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	5.146.612.275.999	6.344.042.811.978
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	687.721.076.348	148.153.579.422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.425.743.589
Cộng	5.834.333.352.347	6.494.622.134.989

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu B09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012***(tiếp theo)***23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.125.351.474	94.129.959.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.322.000.000	24.673.002.316
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.464.561.936	10.958.938.665
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	499.655.097	6.297.532.159
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.391.860	5.881.483.141
Cộng	91.414.960.367	141.940.915.947

24. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	95.214.227.635	121.418.953.888
Lỗ bán ngoại tệ	79.070.270	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.087.822.210	49.326.543.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	154.847.643	175.432.118
Chi phí tài chính khác	1.995.041.028	9.214.754.127
Cộng	113.273.618.809	180.135.683.977

25. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.980.302.598	26.161.470.923
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.980.302.598	26.161.470.923

26. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	3.654.980.991	4.490.494.495
Công ty Cổ phần Veam Tây Hồ	1.311.884.176	2.373.603.486
Công ty Cổ phần Nakycos	387.415.876	220.761.123
Công ty Liên doanh Toyota Việt Nam	221.508.242.503	221.549.896.467
Công ty Liên doanh Honda Việt Nam	920.924.707.992	873.931.006.303
Công ty TNHH Ford Việt Nam	23.796.349.283	29.201.991.126
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	(7.581.026.258)	831.217.256
Cộng	1.164.002.554.563	1.132.598.970.256

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

MẪU B09 - DN/HN

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC.

Người lập



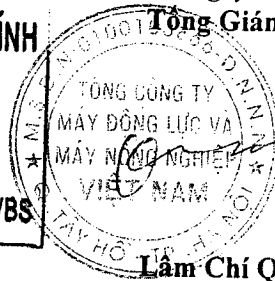
Vũ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 26-07-2016
Số chứng thực: 2.6.4.9..... Quyền số: 0.2.5CT/BS

Vũ Từ Công

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lâm Chí Quang



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Thị Vinh Hoa